TÒA ÁN NHÂN DÂN H. P **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 16-01-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Điền, ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Ông Nguyễn NM - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

LB; tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/10/1985, tại Thừa Thiên Huế; trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ xây dựng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; côn ông Lê Màu ; sinh năm1963; nghề nghiệp: Làm nông và bà Ngô Thị Chanh, sinh năm: 1957; nghề nghiệp: Làm nông; có vợ: Lâm Thị Thương, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Làm nông và hai người con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Bình LNT, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 20/8/2018, LB đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị D thuộc tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để trộm cắp tài sản; Bảo đi vòng ra phía sau nhà thấy cửa sổ phòng ngủ của bà D không đóng, có ánh đèn ngủ còn sáng, Bảo đi đến thấy 01điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+ để trên giường sát cửa sổ, bà D đang nằm ngủ bên cạnh, thấy vậy Bảo D tay phải luồn qua song cửa sổ lấy điện thoại rồi đi ra ngoài.

Sau khi lấy được tài sản, Bảo bật điện thoại lên không được vì bị khóa mật khẩu, Bảo tháo ốp lưng điện thoại thấy 600.000 đồng thì lấy bỏ vào túi quần của

mình còn điện thoại Bảo cất dấu vào gốc cây gần Trạm điện rồi đi về nhà, quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 42/HĐĐG ngày 23/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+ là 7.641.000đ, Sim điện thoại 0165.816.4816 là 40.000đ, Sim điện thoại 0120.277.9687 là 40.000đ.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tạm giữ gồm:

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000 đồng, số seri UY16422948.

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 100.000 đồng, số seri RE13836313.

01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+; 01 Sim điện thoại số 0165.816.4816; 01 Sim điện thoại số 0120.277.9687.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị D đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo LB về tội "Trộm cắp tài sản". Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo LB từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Bị cáo LB khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại là bà Nguyễn Thị D không yêu cầu bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử cho công bố lời khai của người vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vụ án là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo LB đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 20/8/2018, tại nhà bà Nguyễn Thị D thuộc Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, LB đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị D gồm 600.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+ cùng 02 Sim số 0165.846.4816 và 0120.277.9687, với tổng giá trị là 8.321.000đ.

[3] Bị cáo LB là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là bị pháp luật cấm nhưng động cơ muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo lén lút trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 8.321.000đ nên đã cấu thành tội " Trộm cắp tài sản " theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 30/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song xuất phát từ động cơ vụ lợi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bị cáo LB không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chưa lần nào vi phạm pháp luật.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo LB có nghề nghiệp ổn định, nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy, bị cáo hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có hai con

nhỏ trong đó cháu nhỏ sinh năm 2018 đang bị bệnh tim (mổ 02 lần) nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ngày 05/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại toàn bộ tài sản cho bà Nguyễn Thị D. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo LB phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo LB phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo LB 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2019).

Giao bị cáo LB cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo LB phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND P;
- Công an P;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

PHAN SANG